| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 -AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: **204**/2025/HNGĐ-ST.<br>Ngày: 30/9/2025.<br>V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con. | |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ Ông Nguyễn Văn Đoạt.

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa***: Không.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 56/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Mai T**, sinh năm 1999; Địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh **Lê Trí K**, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Tổ A, ấp G, xã B, tỉnh An Giang (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn chị Phạm Thị Mai T trình bày như sau:***

- *Về hôn nhân*: Chị Phạm Thị Mai T và anh Lê Trí K tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, được gia đình hai bên thống nhất tổ chức lễ cưới vào năm 2017,

chị T và anh K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang cũ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số vào sổ 138/2017 vào ngày 16/10/2017. Thời gian đầu chị và anh K chung với nhau rất sống hạnh phúc mãi cho đến thời gian gần đây thì chị và anh K bắt đầu xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do tính tình hai người không hợp nhau, trái ngược về quan điểm sống nên chị và anh K thường xuyên cự cãi nhau, từ đó cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh K không còn hạnh phúc như trước và hiện tại chị T và anh K đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân chị T và anh K không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau, cũng như không thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T cương quyết ly hôn với anh Lê Trí K.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống với nhau giữa chị T và anh K có 02 người con chung tên Lê Trí Đ, sinh ngày 10/10/2015 và Lê Trí T1, sinh ngày 03/08/2017. Hiện Lê Trí Đ đang do anh K nuôi dưỡng và Lê Trí T1 đang do chị T nuôi dưỡng. Ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 cho đến tuổi thành niên và đồng ý giao cháu Đ cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản và nợ chung*: Chị T xác định giữa chị và anh K không có tài sản chung và không có nợ chung nên chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

***Bị đơn anh Lê Trí K:*** Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Lê Trí K đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh K đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:*

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện chị Phạm Thị Mai T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Trí K. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Lê Trí K có nơi cư trú tại ấp G, xã B, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 -

An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Phạm Thị Mai T có đơn xin vắng mặt; bị đơn anh Lê Trí K đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về hôn nhân:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Chị Phạm Thị Mai T và anh Lê Trí K thiết lập quan hệ hôn nhân vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang cũ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số vào sổ 138/2017 ngày 16/10/2017. Như vậy, hôn nhân giữa chị Phạm Thị Mai T và anh Lê Trí K là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về tình trạng hôn nhân Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn mà theo chị T trình bày thì mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh K chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến việc hai người thường xuyên cự cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mặc dù đã được gia đình hàn gắn nhưng tình hình vẫn không thay đổi nên chị và anh K đã sống ly thân với nhau. Chị T xác định trong thời gian sống ly thân chị T và anh K không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau, cũng như không thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng vì chị và anh K không còn tình cảm với nhau nữa, vì vậy cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó chị T cương quyết ly hôn với anh Lê Trí K.

Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho anh K các thông báo mở phiên họp, tiếp cận công chứng cứ và hòa giải nhưng anh K vẫn mặt không có lý do. Điều này cho thấy anh K cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh với chị T. Như vậy cuộc sống vợ chồng của chị Phạm Thị Mai T với anh Lê Trí K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho chị Phạm Thị Mai T được ly hôn với anh Lê Trí K.

[3.2] *Về con chung:* Chị T xác định giữa chị và anh K có 02 người con chung tên Lê Trí Đ, sinh ngày 10/10/2015 và Lê Trí T1, sinh ngày 03/08/2017.

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Trí T1 và đồng ý giao cho anh K được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Trí Đ cho đến tuổi thành niên.

Hội đồng xét xử thấy rằng; từ khi chị T và anh K sống ly thân với nhau thì anh K là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trí Đ và chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trí T1 cho đến nay. Hơn nữa chị T tự nguyện giao cháu Lê Trí Đ cho anh K được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, thấy rằng đây là sự tự nguyện của chị T nên cần thiết ghi nhận. Vì vậy, cần đảm bảo ổn định cuộc sống và không làm ảnh hưởng đến phát triển về thể chất cũng như tâm sinh lý ở các cháu nên tiếp tục giao cháu Đ cho anh K được tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu T1 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao cháu Lê Trí Đ cho anh Lê Trí K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Lê Trí T1 cho chị Phạm Thị Mai T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Phạm Thị Mai T xác định chị và anh K không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử miễn xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phạm Thị Mai T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; 227, 228 Điều 273 và Điều 280 BLTTDS năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1**/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị Mai T được ly hôn với anh Lê Trí K.

**2**/ Về quan hệ con chung: Giao cháu Lê Trí Đ, sinh ngày 10/10/2015 cho anh Lê Trí K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên và giao cháu Lê Trí T1, sinh ngày 03/08/2017 cho chị Phạm Thị Mai T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian nuôi con, chị T và anh K được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

**3**/ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xét.

**4**/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Mai T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0016164 ngày 14/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, chị T không phải nộp thêm, anh K không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

**5**/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 4 - An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Hồng Điệp**